

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05-40
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	09-40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ ITD (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mai Hoài An	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Võ Xuân Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Nguyễn Ngọc Trung	Thành viên	
Ông Đinh Thế Hiền	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Trung	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/11/2025
Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/07/2025

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 ngày 26/06/2025, Công ty đã được thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty từ Ban kiểm soát chuyển sang Ủy ban kiểm toán.

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Đinh Thế Hiền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/07/2025
Ông Võ Xuân Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/07/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là Ông Mai Hoài An – Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Ngọc Trung - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Trung
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ ITD**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ ITD được lập ngày 26 tháng 11 năm 2025, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ ITD tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2025	01/04/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		53.484.925.524	99.450.293.846
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	4.296.484.455	4.281.802.836
111	1. Tiền		4.205.484.455	2.580.194.836
112	2. Các khoản tương đương tiền		91.000.000	1.701.608.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	2.060.000.000	10.565.032.014
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.060.000.000	10.565.032.014
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		30.968.958.394	71.128.624.798
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	105.912.969.167	142.537.451.497
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	2.019.997.076	5.823.955.191
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	998.209.438	1.933.741.037
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(77.962.217.287)	(79.166.522.927)
140	IV. Hàng tồn kho	09	14.671.736.176	12.627.957.884
141	1. Hàng tồn kho		26.956.906.151	25.090.712.463
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.285.169.975)	(12.462.754.579)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.487.746.499	846.876.314
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	290.181.696	111.441.041
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.197.564.803	735.435.273
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		232.696.597.328	216.545.246.407
220	I. Tài sản cố định		42.022.865.745	42.060.244.063
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	29.011.846.765	28.593.615.365
222	- Nguyên giá		70.526.111.550	71.069.460.360
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(41.514.264.785)	(42.475.844.995)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	13.011.018.980	13.466.628.698
228	- Nguyên giá		24.771.297.245	24.771.297.245
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.760.278.265)	(11.304.668.547)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	04	190.281.723.388	174.451.807.888
251	1. Đầu tư vào công ty con		225.643.723.388	208.425.807.888
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		6.000.000.000	6.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.367.100.000	7.367.100.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(48.729.100.000)	(47.341.100.000)
260	III. Tài sản dài hạn khác		392.008.195	33.194.456
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	392.008.195	33.194.456
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>286.181.522.852</u>	<u>315.995.540.253</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2025 VND	01/04/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.368.925.185	52.550.689.404
310	I. Nợ ngắn hạn		11.690.581.667	49.871.989.950
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	7.536.006.208	9.687.975.050
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	868.968.836	6.836.182.972
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	80.743.409	44.952.518
314	4. Phải trả người lao động		-	3.372.991.107
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	256.998.545
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	729.153.313	421.413.450
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	-	26.868.672.844
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	522.723.237	577.278.473
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.952.986.664	1.805.524.991
330	II. Nợ dài hạn		2.678.343.518	2.678.699.454
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	195.200.000	195.200.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	2.483.143.518	2.483.499.454
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		271.812.597.667	263.444.850.849
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	271.812.597.667	263.444.850.849
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		262.449.950.000	245.335.910.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		262.449.950.000	245.335.910.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(721.880.000)	(721.880.000)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.084.527.667	18.830.820.849
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.010.409.167	(18.779.922.243)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		9.074.118.500	37.610.743.092
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		286.181.522.852	315.995.540.253



Vũ Thị Nữ
Người lập



Nguyễn Minh Hoàn
Kế toán trưởng





Nguyễn Ngọc Trung
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD
Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân
Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	44.161.692.398	53.748.803.330
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		44.161.692.398	53.748.803.330
11	4. Giá vốn hàng bán	22	37.982.465.857	45.789.554.630
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.179.226.541	7.959.248.700
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	6.357.298.723	11.251.964.715
22	7. Chi phí tài chính	24	1.541.368.755	886.125.503
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		153.368.755	983.934.141
25	8. Chi phí bán hàng	25	223.552.072	5.228.327.857
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.347.218.492	1.723.196.359
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.424.385.945	11.373.563.696
31	11. Thu nhập khác	27	651.218.197	405.811.757
32	12. Chi phí khác		1.485.642	314.054.454
40	13. Lợi nhuận khác		649.732.555	91.757.303
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.074.118.500	11.465.320.999
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-	310.073.570
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.074.118.500	11.155.247.429



Vũ Thị Nữ
Người lập



Nguyễn Minh Hoàn
Kế toán trưởng





Nguyễn Ngọc Trung
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9.074.118.500	11.465.320.999
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.413.607.690	1.686.602.875
03	- Các khoản dự phòng		(48.801.416)	(5.210.608.598)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.945.303.426)	(11.243.795.771)
06	- Chi phí lãi vay		153.368.755	983.934.141
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay		3.646.990.103	(2.318.546.354)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		40.828.297.289	72.458.049.296
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.866.193.688)	(3.216.682.697)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(11.248.643.331)	(69.624.068.102)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(537.554.394)	(911.874)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(310.367.300)	(848.745.371)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(310.073.570)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(558.910.009)	(16.639.239)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		29.953.618.670	(3.877.617.911)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.376.229.372)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		586.363.637	2.727.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		-	(2.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị		8.505.032.014	3.680.882.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(17.217.915.500)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.432.485.014	11.262.145.800
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.070.264.207)	12.945.755.073
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		4.706.962.826	41.851.485.537
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(31.575.635.670)	(87.177.707.116)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(26.868.672.844)	(45.326.221.579)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		14.681.619	(36.258.084.417)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		4.281.802.836	55.871.253.244
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		4.296.484.455	19.613.168.827

Vũ Thị Nữ
Người lập

Nguyễn Minh Hoàn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Trung
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Công ty đã thực hiện đổi tên từ Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong sang tên hiện tại theo thông báo thay đổi giấy chứng nhận doanh nghiệp kể từ ngày 04/08/2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 262.449.950.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2025 là 262.449.950.000 VND; tương đương 26.244.995 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 là: 14 người (tại ngày 01 tháng 04 năm 2025 là: 11 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ và lắp đặt.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Lắp trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:

Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Địa chỉ

Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

Văn phòng đại diện

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 năm sau.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Dự phòng phải trả.
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước.
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định.
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính.
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh. Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	26 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị khác	08 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	31	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 05 năm.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước thì công công trình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa không quá 5% trên doanh thu. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi vào thu nhập khác trong kỳ.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
 - Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.205.484.455	2.580.194.836
Các khoản tương đương tiền (*)	91.000.000	1.701.608.000
	<u>4.296.484.455</u>	<u>4.281.802.836</u>

(*) Tại ngày 30/09/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 91.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội với lãi suất 3,2%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2025		01/04/2025
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn		-	
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.060.000.000	-	10.565.032.014
	<u>2.060.000.000</u>	<u>-</u>	<u>10.565.032.014</u>

(*) Tại ngày 30/09/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 09 tháng đến 12 tháng có giá trị 2.060.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,8%/năm đến 4,7%/năm.

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Mã CK	30/09/2025			01/04/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	225.643.723.388	82.572.588.600	(36.925.000.000)	208.425.807.888	157.854.130.000	(35.537.000.000)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu ⁽¹⁾	34.510.534.223	82.572.588.600	-	29.174.984.223	157.854.130.000	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến ^{(2) (5)}	15.484.070.100	-	-	13.434.330.100	-	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD ^{(3) (5)}	29.657.142.101	-	(1.527.000.000)	29.624.516.601	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh ⁽⁵⁾	37.204.976.964	-	(30.903.000.000)	37.204.976.964	-	(31.003.000.000)
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion ⁽⁵⁾	89.987.000.000	-	-	89.987.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development ⁽⁵⁾	9.000.000.000	-	(4.495.000.000)	9.000.000.000	-	(4.534.000.000)
- Công ty Cổ phần ITD Global ^{(4) (5)}	9.800.000.000	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	6.000.000.000	-	(4.437.000.000)	6.000.000.000	-	(4.437.000.000)
- Công ty Cổ phần Intelnet ^{(5) (*)}	6.000.000.000	-	(4.437.000.000)	6.000.000.000	-	(4.437.000.000)
Đầu tư vào đơn vị khác	7.367.100.000	-	(7.367.100.000)	7.367.100.000	-	(7.367.100.000)
- Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam ⁽⁵⁾	7.367.100.000	-	(7.367.100.000)	7.367.100.000	-	(7.367.100.000)
	239.010.823.388	82.572.588.600	(48.729.100.000)	221.792.907.888	157.854.130.000	(47.341.100.000)

(*) Công ty Cổ phần Intelnet tạm ngừng hoạt động theo giấy xác nhận về việc doanh nghiệp thông báo tạm ngừng kinh doanh ngày 21/07/2025.

(1) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán này trên sàn HNX tại ngày 31/03/2025 và ngày 30/09/2025.

Trong kỳ, Công ty đã mua lại 155.000 cổ phần Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu của các cổ đông cá nhân với giá mua trung bình là 34.423 VND/cổ phần, tương đương tổng giá mua là 5.335.550.000 VND.

(2) Trong kỳ, căn cứ vào các Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, Công ty đã mua lại 146.410 cổ phần Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến của các cổ đông cá nhân với giá mua là 14.000 VND/cổ phần, tương đương tổng giá mua là 2.049.740.000 VND.

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

(3) Trong kỳ, căn cứ vào các Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, Công ty đã mua lại 2.837 cổ phần Công ty Cổ phần Giải pháp ITD của các cổ đông cá nhân với giá mua là 11.500 VND/cổ phần, tương đương tổng giá mua là 32.625.500 VND.

(4) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 006/2025/NQ-HĐQT-CBTT ngày 26/08/2025 phê chuẩn góp vốn thành lập Công ty Cổ phần ITD Global với vốn điều lệ dự kiến 10.000.000.000 VND, trong đó phần vốn góp của Công ty là 9.800.000.000 VND.

(5) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, liên kết trong kỳ: Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 35.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư trong kỳ:

Tên công ty nhận đầu tư

Nơi thành lập và hoạt động		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty con</i>				
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu (*)	TP. Hồ Chí Minh	50,02%	53,24%	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông; Cho thuê trạm BTS.
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	TP. Hồ Chí Minh	99,64%	99,64%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng.
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	TP. Hồ Chí Minh	99,70%	99,70%	Mua bán và cung cấp các dịch vụ liên quan đến máy tính, phần mềm, thiết bị điện, điện tử, máy văn phòng, kim khí điện máy, tin học và viễn thông.
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	TP. Hồ Chí Minh	78,21%	78,21%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng.
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Sản xuất phần mềm tin học.
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất phần mềm tin học.
- Công ty Cổ phần ITD Global	TP. Hồ Chí Minh	98,00%	98,00%	Sản xuất phần mềm tin học.
<i>Công ty liên kết</i>				
- Công ty Cổ phần Intelnet	TP. Hồ Chí Minh	45,42%	45,42%	Lập trình máy vi tính.
<i>Đơn vị khác</i>				
- Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	TP. Hà Nội	2,00%	2,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.

(*) Công ty nhận được ủy thác 300.000 cổ phần từ Công ty Cổ phần Đầu tư Tánh Linh tương ứng 3,22%, từ đó nâng tổng tỷ lệ quyền biểu quyết lên 53,24%.

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

5 . PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>	1.942.934.553	-	7.482.886.290	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	276.410.529	-	246.367.111	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	676.598.440	-	4.630.925.555	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	955.114.156	-	2.492.946.925	-
- Công ty TNHH Global - Sitem	34.811.428	-	109.826.699	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	-	-	2.820.000	-
<i>Bên khác</i>	103.970.034.614	(77.556.617.287)	135.054.565.207	(78.760.922.927)
- Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam - CTCP	7.798.755.602	-	32.771.674.066	-
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC (*)	64.604.233.427	(64.604.233.427)	66.782.737.696	(65.737.148.599)
- Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.721.094.257	-	5.502.915.540	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng 194	1.120.802.094	-	3.540.629.149	-
- Các khách hàng khác	28.725.149.234	(12.932.383.860)	26.456.608.756	(13.023.774.328)
	105.912.969.167	(77.556.617.287)	142.537.451.497	(78.760.922.927)

(*) Thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 32.

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên khác</i>	742.153.927	-	742.153.927	-
- Trường Cao đẳng Đường sắt	429.670.608	-	-	-
- Công ty TNHH MH INTERIOR	203.241.704	-	-	-
- Công ty Cổ phần Nội thất MAISON Việt Nam	-	-	3.323.419.090	-
- Hansway Co., Ltd	-	-	1.191.190.000	-
- Công ty TNHH Tuyết Nga	644.930.837	-	567.192.174	-
- Trả trước cho người bán khác	-	-	-	-
	2.019.997.076	-	5.823.955.191	-

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

7 . PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	49.146.712	-	122.691.937	-
- Tạm ứng	20.000.000	-	14.932.080	-
- Ký cược, ký quỹ	311.248.946	-	425.237.586	-
- Phải thu quỹ phúc lợi	81.051.000	-	781.455.601	-
- Phải thu phí chia sẻ tiện ích	536.762.780	(405.600.000)	410.337.174	(405.600.000)
- Phải thu người lao động	-	-	175.728.659	-
- Phải thu khác	-	-	3.318.000	-
	998.209.438	(405.600.000)	1.933.741.037	(405.600.000)
b) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	13.505.556	-	359.530.601	-
- Công ty Cổ phần ITD Global	13.505.556	-	-	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	21.040.556	-	283.525.529	-
- Công ty TNHH Global Sitem	20.105.556	-	62.085.645	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	144.056.556	-	81.051.000	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	405.600.000	(405.600.000)	405.600.000	(405.600.000)
- Ông Mai Hoài An	-	-	310.487	-
	617.813.780	(405.600.000)	1.192.103.262	(405.600.000)

8 . NỢ XẤU

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>77.556.617.287</i>	-	<i>79.806.512.024</i>	<i>1.045.589.097</i>
- Công ty Cổ phần 715	2.196.346.285	-	2.196.346.285	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương	3.896.814.588	-	3.896.814.588	-
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	64.604.233.427	-	66.782.737.696	1.045.589.097
- Các đối tượng khác	6.859.222.987	-	6.930.613.455	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>405.600.000</i>	-	<i>405.600.000</i>	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	405.600.000	-	405.600.000	-
	<u>77.962.217.287</u>	<u>-</u>	<u>80.212.112.024</u>	<u>1.045.589.097</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	553.848.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	26.351.912.151	(12.219.575.975)	23.495.102.021	(12.219.575.975)
Hàng hoá	604.994.000	(65.594.000)	1.041.762.442	(243.178.604)
	<u>26.956.906.151</u>	<u>(12.285.169.975)</u>	<u>25.090.712.463</u>	<u>(12.462.754.579)</u>

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở đang cuối kỳ và đầu kỳ:

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
- Dự án đường sắt IVU&VNR	10.232.234.179	10.340.743.271
- Dự án hệ thống thu phí không dừng ETC cho 13 Trạm thu phí - Giai đoạn 2	1.987.341.796	1.987.341.796
- Thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống thu phí ETC	7.054.539.501	6.259.484.605
- Thiết kế cung cấp thiết bị TTP - Dự án Diễn Châu Bãi Vọt FI/24	2.299.352.280	2.299.352.280
- Cung cấp phần mềm, nhân công lắp đặt thiết bị - ACV T2 Nội Bài	1.493.071.614	1.201.906.494
- Các dự án khác	3.285.372.781	1.406.273.575
	<u>26.351.912.151</u>	<u>23.495.102.021</u>

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	50.300.949.660	17.382.379.853	2.897.755.000	488.375.847	71.069.460.360
- Mua trong kỳ	-	-	1.330.149.455	46.079.917	1.376.229.372
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.919.578.182)	-	(1.919.578.182)
Số dư cuối kỳ	50.300.949.660	17.382.379.853	2.308.326.273	534.455.764	70.526.111.550
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	22.481.724.278	17.382.379.853	2.123.365.017	488.375.847	42.475.844.995
- Khấu hao trong kỳ	851.608.950	-	99.989.032	6.399.990	957.997.972
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.919.578.182)	-	(1.919.578.182)
Số dư cuối kỳ	23.333.333.228	17.382.379.853	303.775.867	494.775.837	41.514.264.785
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	27.819.225.382	-	774.389.983	-	28.593.615.365
Tại ngày cuối kỳ	26.967.616.432	-	2.004.550.406	39.679.927	29.011.846.765

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.870.755.700 VND.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	24.053.529.245	717.768.000	24.771.297.245
Số dư cuối kỳ	<u>24.053.529.245</u>	<u>717.768.000</u>	<u>24.771.297.245</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	11.101.300.947	203.367.600	11.304.668.547
- Khấu hao trong kỳ	383.832.918	71.776.800	455.609.718
Số dư cuối kỳ	<u>11.485.133.865</u>	<u>275.144.400</u>	<u>11.760.278.265</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	12.952.228.298	514.400.400	13.466.628.698
Tại ngày cuối kỳ	<u>12.568.395.380</u>	<u>442.623.600</u>	<u>13.011.018.980</u>

(*) Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 45 Lô A1, Đường 20, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh với diện tích 3.145 m2, thời hạn thuê từ ngày 24/09/2012 đến ngày 23/09/2041 được sử dụng làm văn phòng Công ty và cho thuê.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2025 VND	01/04/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	13.079.547	29.391.668
Chi phí mua bảo hiểm	33.377.189	16.665.908
Chi phí phần mềm	165.408.300	5.162.150
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	78.316.660	60.221.315
	<u>290.181.696</u>	<u>111.441.041</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	41.185.328	33.194.456
Chi phí sửa chữa	350.822.867	-
	<u>392.008.195</u>	<u>33.194.456</u>

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
 Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	5.150.748.206	5.150.748.206	2.159.459.342	2.159.459.342
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	5.147.311.847	5.147.311.847	2.141.967.571	2.141.967.571
- Công ty TNHH Global Sitem	3.436.359	3.436.359	3.517.804	3.517.804
	-	-	13.973.967	13.973.967
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Cổ phần Công nghệ VVT	2.385.258.002	2.385.258.002	7.528.515.708	7.528.515.708
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Giao thông Đông Hải	996.140.283	996.140.283	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vân	531.520.000	531.520.000	531.520.000	531.520.000
- Đối tượng khác	857.597.719	857.597.719	4.706.962.826	4.706.962.826
	-	-	2.290.032.882	2.290.032.882
	7.536.006.208	7.536.006.208	9.687.975.050	9.687.975.050

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2025		01/04/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Cty Ivu Traffic Technologies Ag-TC T/H Gói thầu EPC cho DA "HDH TT Điều Hành VT Đường sắt - OCC" tại VN	681.455.732	681.455.732	681.455.732	681.455.732
- Đối tượng khác	187.513.104	187.513.104	6.154.727.240	6.154.727.240
	868.968.836	868.968.836	6.836.182.972	6.836.182.972

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1.399.946.016	1.399.946.016	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	110.130.304	110.130.304	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	44.952.518	584.208.724	548.417.833	-	80.743.409
	-	44.952.518	2.094.285.044	2.058.494.153	-	80.743.409

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	285.403.440	285.403.440
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	38.132.300	38.132.300
- Phải trả phí chia sẻ tiện ích	-	2.835.540
- Phải trả quỹ liên doanh	206.733.710	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	198.883.863	95.042.170
	729.153.313	421.413.450
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	195.200.000	195.200.000
	195.200.000	195.200.000
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	-	2.835.540
	-	2.835.540

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

17 . CÁC KHOẢN VAY

	01/04/2025		Trong kỳ		30/09/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	26.868.672.844	26.868.672.844	4.706.962.826	31.575.635.670	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	13.063.263.229	13.063.263.229	-	13.063.263.229	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	6.805.409.615	6.805.409.615	4.706.962.826	11.512.372.441	-	-
- Vay cá nhân	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-	-
	<u>26.868.672.844</u>	<u>26.868.672.844</u>	<u>4.706.962.826</u>	<u>31.575.635.670</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

b) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	30/09/2025		01/04/2025	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận (*)	-	-	5.000.000.000	75.342.466
	-	-	5.000.000.000	75.342.466

Ghi chú:

(*) Phó Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2025)

18 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	522.723.237	577.278.473
	522.723.237	577.278.473
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	2.483.143.518	2.483.499.454
	2.483.143.518	2.483.499.454

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	245.335.910.000	(721.880.000)	(18.711.323.912)	225.902.706.088
Lãi trong kỳ trước	-	-	11.155.247.429	11.155.247.429
Số dư cuối kỳ trước	245.335.910.000	(721.880.000)	(7.556.076.483)	237.057.953.517
Số dư đầu kỳ này	245.335.910.000	(721.880.000)	18.830.820.849	263.444.850.849
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	17.114.040.000	-	(17.114.040.000)	-
Lãi trong kỳ này	-	-	9.074.118.500	9.074.118.500
Quyết toán Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay	-	-	(115.048.718)	(115.048.718)
Quyết toán Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước	-	-	(361.322.964)	(361.322.964)
Thù lao Ban quản trị năm 2024	-	-	(230.000.000)	(230.000.000)
Số dư cuối kỳ này	262.449.950.000	(721.880.000)	10.084.527.667	271.812.597.667

(*) Công ty đã phát hành cổ phiếu trả cổ tức với các thông tin cụ thể sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.712.298
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành theo tỷ lệ: 1.711.404 cổ phiếu;
- Số cổ phiếu là hủy bỏ theo phương án phát hành: 894 cổ phiếu;
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 17.114.040.000 VND;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: Tỷ lệ 100:7, cứ 100 cổ phần hiện hữu sẽ nhận thêm 07 cổ phần phát hành mới;
- Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- Thời gian hoàn thành: Ngày 12/09/2025.

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	245.335.910.000	245.335.910.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	17.114.040.000	-
- Vốn góp cuối kỳ	262.449.950.000	245.335.910.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	38.132.300	38.132.300
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	17.114.040.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	17.114.040.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	(17.114.040.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(17.114.040.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	38.132.300	38.132.300

c) Cổ phiếu

	30/09/2025	01/04/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.244.995	24.533.591
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.244.995	24.533.591
- Cổ phiếu phổ thông	26.244.995	24.533.591
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	72.188	72.188
- Cổ phiếu phổ thông	72.188	72.188
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.172.807	24.461.403
- Cổ phiếu phổ thông	26.172.807	24.461.403
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

a) Ngoại tệ các loại

	30/09/2025	01/04/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.670,19	3.040,51
- Đồng Euro (EUR)	171,52	181,82

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/09/2025	01/04/2025
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Sóng truyền thông	85.500.000	85.500.000
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hoàng Phúc	45.000.000	45.000.000
- Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	7.658.500	7.658.500
- Khu Quản lý Đường bộ II	73.227.380	73.227.380
- Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ 494	40.000.000	40.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	113.400.281	113.400.281
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 - Công ty Cổ phần	366.026.993	366.026.993
- Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	2.310.000.000	2.310.000.000
	3.040.813.154	3.040.813.154

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	34.235.677.878	44.736.405.882
Doanh thu cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	9.926.014.520	9.012.397.448
	44.161.692.398	53.748.803.330
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	4.032.633.182	2.699.747.618

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	33.215.624.516	40.332.804.313
Giá vốn của dịch vụ và kỹ thuật đã cung cấp	4.944.425.945	5.519.667.489
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(177.584.604)	(62.917.172)
	37.982.465.857	45.789.554.630

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	183.809.789	173.111.450
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.443.505	10.756.267
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.175.130.000	11.067.957.048
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	(6.084.571)	139.950
	6.357.298.723	11.251.964.715
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	6.175.130.000	11.150.418.353

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	153.368.755	983.934.141
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ (Hoàn nhập)/Dự phòng tổn thất đầu tư	- 1.388.000.000	4.091.362 (101.900.000)
	1.541.368.755	886.125.503
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	-	419.235.616

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	107.928.539
Chi phí nhân công	-	4.598.713.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	143.399.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	221.402.912	197.111.735
Chi phí khác bằng tiền	2.149.160	181.173.744
	223.552.072	5.228.327.857
Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	(45.000.000)	3.787.000

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.073.731	96.774.560
Chi phí nhân công	2.287.245.945	3.844.072.677
Chi phí khấu hao tài sản cố định	171.765.832	199.708.501
Thuế, phí, lệ phí	32.070.000	132.000
Hoàn nhập dự phòng	(1.204.305.640)	(3.500.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	821.616.461	1.001.563.959
Chi phí khác bằng tiền	198.752.163	80.944.662
	2.347.218.492	1.723.196.359
Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	(100.508.708)	(165.781.989)

27 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	586.363.637	2.727.273
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	36.700.151	289.282.394
Thu nhập khác	28.154.409	113.802.090
	651.218.197	405.811.757

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.074.118.500	11.465.320.999
Các khoản điều chỉnh tăng	-	173.904.836
- Chi phí không hợp lệ	-	173.904.836
Các khoản điều chỉnh giảm	(9.074.118.500)	(11.639.225.835)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.175.130.000)	(11.067.957.048)
- Chuyển lỗ các năm trước	(2.898.988.500)	(571.268.787)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	310.073.570
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(310.073.570)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	-

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	327.841.413	204.703.099
Chi phí nhân công	2.287.245.945	8.442.786.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.413.607.690	1.677.180.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.871.102.979	5.836.270.748
Chi phí khác bằng tiền	294.624.008	(3.057.194.807)
	10.194.422.035	13.103.746.235

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/09/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.296.484.455	-	-	4.296.484.455
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.948.961.318	-	-	28.948.961.318
Các khoản cho vay	2.060.000.000	-	-	2.060.000.000
	<u>35.305.445.773</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>35.305.445.773</u>
Tại ngày 01/04/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.281.802.836	-	-	4.281.802.836
Phải thu khách hàng, phải thu khác	65.304.669.607	-	-	65.304.669.607
Các khoản cho vay	10.565.032.014	-	-	10.565.032.014
	<u>80.151.504.457</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>80.151.504.457</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD
Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo,
Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/09/2025				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán,	8.265.159.521	195.200.000	-	8.460.359.521
phải trả khác	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	<u>8.265.159.521</u>	<u>195.200.000</u>	<u>-</u>	<u>8.460.359.521</u>
Tại ngày 01/04/2025				
Vay và nợ	26.868.672.844	-	-	26.868.672.844
Phải trả người bán,	10.109.388.500	195.200.000	-	10.304.588.500
phải trả khác	-	-	-	-
Chi phí phải trả	256.998.545	-	-	256.998.545
	<u>37.235.059.889</u>	<u>195.200.000</u>	<u>-</u>	<u>37.430.259.889</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	4.706.962.826	41.851.485.537
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	(31.575.635.670)	(87.177.707.116)

32 . THÔNG TIN KHÁC

a) Thông tin về việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 26/06/2025, Công ty thông qua phương án phát hành như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ ITD;
- Mã cổ phiếu: ITD;
- Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu;
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Công nghệ ITD có tên trong danh sách người sở hữu cổ phiếu của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu;
- Phương thức chào bán: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua;
- Giá chào bán và nguyên tắc xác định giá chào bán: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định nhưng không thấp hơn mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 7.852.110 cổ phiếu;
- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá: 78.521.100.000 VND;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:03. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 10 quyền mua sẽ được mua 03 cổ phiếu phát hành thêm;
- Các hạn chế liên quan đến việc hạn chế chuyển nhượng:
 - + Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng;
 - + Trường hợp Công ty thực hiện phân phối cổ phiếu chưa chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua cho các nhà đầu tư có nhu cầu thì số cổ phiếu chào bán nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán;
- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được cân đối sử dụng cho các mục đích sau:
 - + Tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu: 30.000.000.000 VND;
 - + Góp vốn thành lập/Tăng vốn Điều lệ Công ty Cổ phần ITD Global : 48.521.100.000 VND;
- Thời gian thực hiện: Trong năm tài chính 2025 (trước ngày 31/03/2026), ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở phù hợp với chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường.

b) Thông tin về vụ kiện với Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC

Vào ngày 30/10/2022, Công ty đã gửi đến Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC ("VETC") thanh toán các khoản nợ quá hạn với số tiền 61.425.222.328 VND và tiền lãi tạm tính là 23.339.041.056 VND (tổng số tiền phải trả là 84.764.263.384 VND).

Tại phiên xử ngày 07/09/2023, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã ban hành Bản án số 78/2023/KDTM-ST về việc tranh chấp phát sinh từ hợp đồng cung ứng thiết bị, theo đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc VETC phải trả cho Công ty tổng số tiền là 91.722.815.487 VND (trong đó 61.425.222.328 VND là số tiền nợ gốc còn phải trả và 30.297.593.160 VND là số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 07/09/2023).

Vào ngày 14/09/2023, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã nhận được đơn kháng cáo của VETC về bản án trên.

Tại phiên xử ngày 11/04/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Bản án phúc thẩm số 82/2024/KDTM-PT về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Theo đó, chấp nhận một phần kháng cáo của VETC, số tiền VETC phải trả cho Công ty giảm xuống còn 90.668.441.912 VND (trong đó số tiền nợ gốc còn phải trả là 59.925.222.327 VND, số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 07/09/2023 là 30.743.219.585 VND).

Đến nay Công ty đã thu hồi 3.995.190.371 VND liên quan đến khoản nợ đã được trích lập dự phòng. Do đó, tại thời điểm cuối kỳ kế toán, Ban Tổng Giám đốc quyết định giảm số đã trích lập dự phòng đối với nợ còn phải thu của VETC với số tiền là 1.132.915.172 VND.

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

: toàn từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

33 . NHỮNG SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Doanh thu viễn thông tin học	Doanh thu hạ tầng giao thông	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	10.921.305.715	25.622.314.863	7.618.071.820	44.161.692.398
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	720.361.862	1.106.945.554	4.351.919.125	6.179.226.541
Tài sản không phân bổ				286.181.522.852
Nợ phải trả không phân bổ				14.368.925.185

Theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Công ty con
Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Công ty con đã giải thể năm trước
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	Công ty con
Công ty Cổ phần ITD Global	Công ty con
Công ty Cổ phần Intelnet	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Global - Sitem	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần In No	Công ty cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.032.633.182	2.699.747.618
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	1.176.851.298	1.117.335.470
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	916.904.752	842.911.252
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	1.470.816.930	-
- Công ty TNHH Global Sitem	468.060.202	442.609.806
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	-	294.071.090
- Công ty Cổ phần Intelnet	-	2.820.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	16.548.713.684	5.998.998.674
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	21.558.940	489.495.924
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	16.507.049.188	5.463.687.750
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	-	45.815.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	20.105.556	-
Chi phí bán hàng	(45.000.000)	3.787.000
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	(45.000.000)	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	-	2.170.500
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	-	1.616.500
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(100.508.708)	(165.781.989)
- Công ty Cổ phần ITD Global	(12.277.778)	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	(49.127.778)	(167.509.205)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	(12.277.778)	(55.749.386)
- Công ty TNHH Global Sitem	(18.277.778)	(105.058.398)
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	(8.547.596)	175.195.000
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	-	(12.660.000)

	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.175.130.000	11.067.957.048
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	6.175.130.000	6.350.398.000
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	-	207.441.048
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	-	4.510.118.000
Lãi cho vay	-	82.461.305
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	-	82.461.305
Lãi đi vay	-	419.235.616
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	-	419.235.616
Mượn tiền	-	2.000.000.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	-	2.000.000.000
Trả lại tiền mượn	-	10.700.000.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	-	10.700.000.000
Góp vốn	9.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần ITD Global	9.800.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		3.253.639.320	6.882.594.364
- Ông Mai Hoài An	Chủ tịch HĐQT	682.736.636	30.900.000
- Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT	67.787.765	30.900.000
- Ông Nguyễn Ngọc Trung	Thành viên HĐQT kiêm	1.267.787.765	30.900.000
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Thành viên HĐQT	56.001.689	817.894.985
	(Miễn nhiệm từ 26/06/2025)		
- Ông Đinh Thế Hiền	Thành viên HĐQT	63.859.073	-
- Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban kiểm soát	56.001.689	15.600.000
	(Miễn nhiệm từ 26/06/2025)		
- Bà Đỗ Thị Thu Hà	Giám đốc Kiểm soát nội bộ, thành viên Ban kiểm soát	708.035.250	343.912.500
- Bà Trần Thị Thu Tâm	Thành viên ban kiểm soát	40.286.921	18.900.000
	(Miễn nhiệm từ 26/06/2025)		
- Bà Vũ Thị Nữ	Kế toán trưởng	276.960.714	-
	(Miễn nhiệm từ 05/09/2025)		
- Ông Nguyễn Minh Hoàn	Kế toán trưởng	34.181.818	-
	(Bổ nhiệm từ 05/09/2025)		
- Bà Trương Thị Phương Dung	(2)	-	331.370.037
- Ông Lâm Thiếu Quân	(1)	-	75.600.000
- Bà Doãn Thị Bích Ngọc	(1)	-	45.600.000
- Ông Đinh Hoài Châu	(1)	-	36.300.000
- Ông Trần Bằng Việt	(1)	-	36.600.000

(1) Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm trong kỳ trước

(2) Kế toán trưởng đã miễn nhiệm trong kỳ trước

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD
Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo,
Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024.



Vũ Thị Nữ
Người lập



Nguyễn Minh Hoàn
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Trung
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

